

Số: 1856 /QĐ-ĐHQB

Quảng Bình, ngày 21 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học  
theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Quảng Bình**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH**

Căn cứ Quyết định số 237/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-ĐHQB ngày 01 tháng 4 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quảng Bình;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

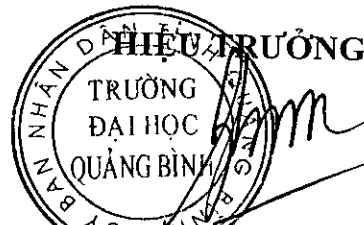
**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Quảng Bình”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2517/QĐ-ĐHQB ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHQ Quảng Bình về việc ban hành Quy định đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ VLVH theo hệ thống tín chỉ.

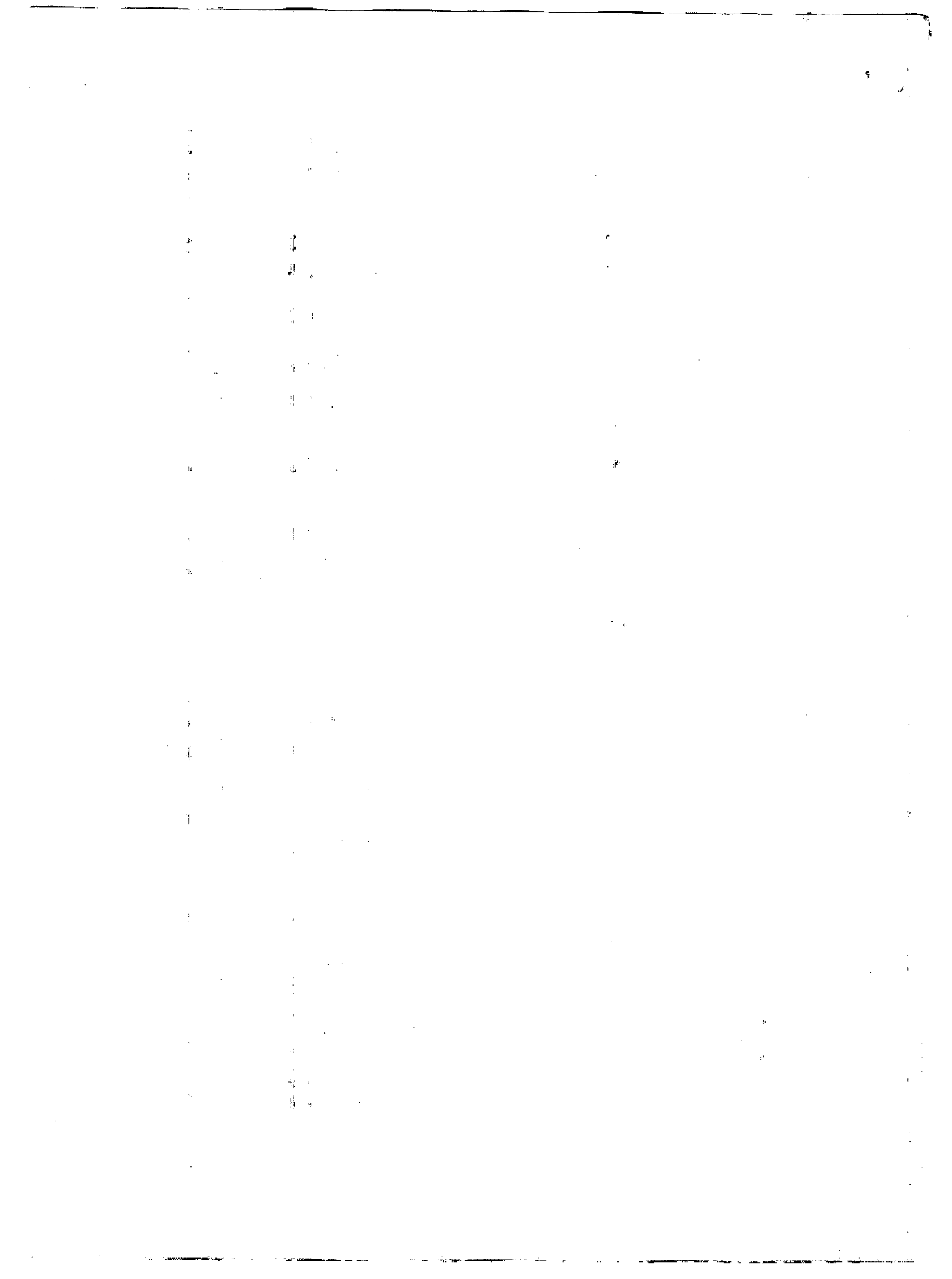
**Điều 3.** Trường phòng Đào tạo, Trường các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *mm*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Website Trường;
- Lưu: VT, TTPC, ĐT. *mm*



PGS. TS. Hoàng Dương Hùng



## QUY CHẾ

### **Đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1856/QĐ-ĐHQB ngày 21 tháng 10 năm 2019  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình)*

### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định đào tạo vừa làm vừa học (VLVH) trình độ đại học được tổ chức và quản lý theo hệ thống tín chỉ, bao gồm: tổ chức và quản lý đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên các khoá đào tạo VLVH trình độ đại học được tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Quảng Bình (sau đây gọi tắt là Trường hoặc Nhà trường).

##### **Điều 2. Địa điểm đào tạo**

Địa điểm đào tạo VLVH trình độ đại học là Trường Đại học Quảng Bình. Trong trường hợp liên kết đào tạo ở ngoài Trường thì Trường và các đơn vị liên quan phải thực hiện các quy định hiện hành về liên kết đào tạo.

##### **Điều 3. Chương trình đào tạo**

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) thể hiện mục tiêu đào tạo; đối tượng đào tạo; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung đào tạo, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi học phần, ngành học, trình độ đào tạo.

2. Chương trình đào tạo VLVH trình độ đại học được xây dựng như chương trình đào tạo đại học hệ chính quy của Trường. Nội dung chương trình đào tạo VLVH phải bảo đảm các yêu cầu về nội dung của chương trình hệ chính quy cùng trình độ đào tạo.

3. Chương trình đào tạo VLVH được tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

##### **Điều 4. Học phần và tín chỉ**

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho người học tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố trong một học kỳ. Kiến thức

trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần phải được ký hiệu bằng một mã riêng do Trường quy định.

2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn:

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của khoa/ bộ môn nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình ngành hoặc chuyên ngành.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

4. Việc tính số giờ giảng dạy của giảng viên cho các học phần trên cơ sở số giờ giảng dạy trên lớp, số giờ thực hành, thực tập được thực hiện theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Quảng Bình.

5. Một tiết học được tính bằng 50 phút.

## Chương II

### TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

#### Điều 5. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Đào tạo VLVH được tổ chức và quản lý theo tín chỉ.

2. Nhà trường tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ. Khoá học là thời gian để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Tùy thuộc vào chương trình, khoá học được quy định như sau:

Đào tạo trình độ đại học được thực hiện từ bốn đến sáu năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp (khác ngành đào tạo); từ hai năm rưỡi đến bốn năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành đào tạo; từ một năm rưỡi đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng ngành đào tạo.

3. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình đào tạo, Bộ môn xây dựng kế hoạch đào tạo dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học, từng học kỳ.

4. Đầu khoá học, Trường thông báo công khai cho sinh viên về chương trình

đào tạo; kế hoạch học tập, kế hoạch thi; quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên; phương pháp giảng dạy, hình thức đánh giá, kiểm tra, thi.

5. Đầu mỗi năm học, Trường thông báo công khai lịch học của từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn (học phần tự chọn Nhà trường sẽ định hướng cho sinh viên lựa chọn phù hợp), đề cương chi tiết học phần và điều kiện để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi các học phần, giáo trình, tài liệu có liên quan. Đối với những lớp đào tạo theo hợp đồng liên kết đào tạo, Hiệu trưởng căn cứ vào điều kiện tổ chức đào tạo cụ thể để quyết định lịch trình học cho phù hợp.

Căn cứ vào kết quả học tập của sinh viên, Nhà trường cho phép sinh viên có học lực bình thường được phép đăng ký học vượt để có thể rút ngắn thời gian đào tạo.

6. Thời gian tối đa được phép học để hoàn thành chương trình (áp dụng cho sinh viên không thuộc đối tượng ưu tiên trong đào tạo) bao gồm thời gian quy định cho chương trình đào tạo cộng với 2 học kỳ đối với các khóa học dưới 3 năm; 4 học kỳ đối với các khóa học từ 3 đến dưới 5 năm; 6 học kỳ đối với các khóa học từ 5 đến 6 năm.

#### **Điều 6. Đánh giá học phần**

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần thái độ; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do giảng viên đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

2. Đối với các học phần thực hành: sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

3. Đối với học phần đồ án, luận văn, thực tập tốt nghiệp, thực tập cơ sở,... điểm cuối cùng là điểm đánh giá học phần.

4. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần:

a) Điểm đánh giá bộ phận được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân;

b) Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

| Thang điểm 10 | Điểm chữ | Xếp loại       |           |
|---------------|----------|----------------|-----------|
| 8,5 - 10      | A        | Giỏi           | Đạt       |
| 7,0 - 8,4     | B        | Khá            |           |
| 5,5 - 6,9     | C        | Trung bình     |           |
| 4,0 - 5,4     | D        | Trung bình yếu |           |
| Dưới 4,0      | F        | Kém            | Không đạt |

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các ký hiệu sau:

I - Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X - Chưa nhận được kết quả thi.

Đối với những học phần được Nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng ký hiệu R viết kèm với kết quả.

d) Việc xếp loại các mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

- Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận bỏ thi không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra,... bỏ thi không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0 tương ứng với mỗi loại điểm bộ phận và điểm đánh giá học phần;

- Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

- Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

đ) Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở Điểm d khoản 4 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F;

e) Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

- Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, phải được Trường khoa cho phép.

- Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được Trường khoa chấp thuận.

Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học

kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

g) Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà Phòng Đào tạo chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ khoa chuyển lên.

h) Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt.

Những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình đào tạo.

### **Điều 7. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần**

1. Cuối mỗi học kỳ, Trường tổ chức kỳ thi chính và nếu có điều kiện, tổ chức thêm một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có học phần bị điểm F ở kỳ thi chính và được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ. Tùy vào mỗi học kỳ Phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian dành cho ôn thi và thời gian thi cho các kỳ thi.

### **Điều 8. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi**

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hiệu trưởng duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần và được quy định trong đề cương chi tiết học phần.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết và việc chấm tiểu luận, bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm. Bài thi được bảo quản tại các Bộ môn. Thời gian lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn ít nhất là hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thi các giảng viên chấm thi trình

trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa quyết định.

5. Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của Trường, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi và làm thành ba bản. Một bản lưu tại bộ môn, một bản lưu ở văn phòng khoa và một bản gửi về Phòng Đào tạo (bản chính), chậm nhất một tuần sau khi kết thúc chấm thi học phần.

#### **Điều 9. Dự thi kết thúc học phần**

1. Sinh viên có đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần phải dự thi theo đúng lịch do Nhà trường quy định.

2. Sinh viên không đủ điều kiện dự thi nhận điểm 0 và phải đăng ký học lại.

3. Sinh viên bỏ thi không có lý do chính đáng nhận điểm 0.

4. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, nếu được Nhà trường cho phép, được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có), điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi lần đầu. Trường hợp không có kỳ thi phụ sinh viên sẽ phải dự thi tại các kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ sau.

5. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính. Những sinh viên này khi được Nhà trường cho phép được dự thi một lần ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có).

#### **Điều 10. Thi lại, thi trả nợ**

1. Sinh viên thi không đạt hoặc bỏ thi không có lý do chính đáng ở lần thi thứ nhất, được dự thi lại tối đa là một lần.

2. Sinh viên vắng mặt trên lớp quá mức quy định cho một học phần phải đăng ký học lại học phần đó; sinh viên không làm đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành, bài tập, tiểu luận, bài tập lớn, thiết kế đồ án, nếu làm bổ sung đầy đủ, sẽ được dự thi ở kỳ thi lại.

3. Sinh viên thi lại vẫn không đạt, nếu được xét học tiếp lên năm học sau phải đăng ký học để thi trả nợ học phần, số lần được thi trả nợ tối đa là hai lần.

#### **Điều 11. Bảo lưu kết quả học phần**

1. Sinh viên đã tốt nghiệp một ngành đại học khác (tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng đối với hệ liên thông) được bảo lưu kết quả một số học phần đã tích lũy có nội dung và số tín chỉ, số đơn vị học trình tương đương hoặc lớn hơn so với chương trình đang học.

2. Đối với những chương trình, khối lượng của từng học phần đã được tính theo đơn vị học trình, thì 1,5 đơn vị học trình được quy đổi thành 1 tín chỉ.

3. Việc bảo lưu kết quả học phần của sinh viên do Hiệu trưởng quyết định.

#### **Điều 12. Cách tính điểm trung bình chung**

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy,



mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

| Điểm chữ | Điểm số |
|----------|---------|
| A        | 4,0     |
| B        | 3,0     |
| C        | 2,0     |
| D        | 1,0     |
| F        | 0       |

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

$A$  là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

$a_i$  là điểm của học phần thứ  $i$

$n_i$  là số tín chỉ của học phần thứ  $i$

$n$  là tổng số học phần.

Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

### Điều 13. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá theo học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B, C, D tính từ đầu khóa học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

**Điều 14. Nghỉ học tạm thời, cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học**

1. Nghỉ học tạm thời

Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng để xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

- a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;
- b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế (trung tâm y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên);
- c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Khoản 3 Điều này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định của Quy chế này;

Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất 1 tuần trước khi bắt đầu đăng ký học kỳ mới.

2. Cảnh báo kết quả học tập

Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình. Việc cảnh báo kết quả học tập của sinh viên được dựa trên các điều kiện sau:

- a) Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khóa;
- b) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;
- c) Tổng số tín chỉ của các học phần bị điểm F còn tồn đọng tính từ đầu khóa học đến thời điểm xét vượt quá 24 tín chỉ;

Tùy theo đặc điểm cụ thể từng học kỳ, Hiệu trưởng quyết định áp dụng một hoặc hai trong ba điều kiện nêu trên để cảnh báo kết quả học tập của sinh viên và quy định số lần cảnh báo kết quả học tập, nhưng không vượt quá 2 lần liên tiếp.

3. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

- a) Đã có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá giới hạn theo quy định;
- b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại Trường quy định tại Khoản 6, Điều 5 của Quy chế này;

c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 của Quy chế này hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của Trường;

Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, Phòng Công tác sinh viên phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú hoặc về nơi công tác.

### **Điều 15. Chuyển trường**

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

a) Trong thời gian học tập, nếu bản thân chuyển địa điểm làm việc hoặc có hoàn cảnh khó khăn cần thiết phải chuyển trường để có điều kiện học tập;

b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

d) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;

b) Sinh viên đang chịu mức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên;

c) Sinh viên ở ngoài vùng tuyển quy định của Trường.

3. Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ theo quy định của Nhà trường.

4. Trên cơ sở so sánh chương trình đào tạo ở trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến, Hiệu trưởng trường có sinh viên xin chuyển đến quy định năm học và số học phần mà sinh viên phải học bổ sung.

## **Chương III**

### **XÉT TỐT NGHIỆP VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

#### **Điều 16. Thực tập cuối khóa, làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp**

1. Đầu học kỳ cuối khoá, các sinh viên được đăng ký làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần chuyên môn được quy định như sau:

a) Làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp: áp dụng cho sinh viên đạt mức quy định của Hiệu trưởng. Đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp là học phần có khối lượng không quá 10 tín chỉ. Hiệu trưởng quy định khối lượng cụ thể phù hợp với yêu cầu đào tạo của Trường;

b) Học và thi một số học phần chuyên môn: Sinh viên không được giao làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên

môn, nếu chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình.

2. Điều kiện, nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn; trách nhiệm của bộ môn và khoa đối với sinh viên trong thời gian làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà trường.

3. Đối với một số ngành đào tạo đòi hỏi phải dành nhiều thời gian cho thí nghiệm hoặc khảo sát để sinh viên hoàn thành đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp, Nhà trường có thể bố trí thời gian làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khoá.

4. Đồ án, khoá luận thực hiện trong học kỳ cuối.

5. Mỗi đồ án, khoá luận do một hoặc hai sinh viên thực hiện, các đề tài không được trùng lặp về nội dung với đề tài đã hoặc đang được thực hiện.

### **Điều 17. Đánh giá đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp**

1. Tùy theo từng chương trình đào tạo, Hiệu trưởng quy định cách thức đánh giá đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp. Việc đánh giá mỗi đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp phải do ít nhất 2 giảng viên đảm nhiệm.

2. Điểm của đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm chữ theo quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 6 của Quy chế này. Điểm chấm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 2 tuần, kể từ ngày nộp đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp.

Điểm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học.

3. Sinh viên có đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp.

### **Điều 18. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp**

1. Sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng quy định cho chương trình đào tạo;
- c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học đạt từ 2,00 trở lên;
- d) Hoàn thành học phần giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục - thể thao;

e) Có đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp và cấp bằng trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

2. Hội đồng xét tốt nghiệp: *20*

a) Hội đồng xét tốt nghiệp Nhà trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, Trưởng phòng Đào tạo làm Thư ký và các ủy viên là trưởng đơn vị chuyên môn có sinh viên tốt nghiệp, đại diện đơn vị thanh tra và đại diện lãnh đạo các đơn vị có liên quan đến quá trình đào tạo;

b) Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều này để duyệt danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp;

c) Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

### **Điều 19. Cấp bằng tốt nghiệp**

1. Bằng tốt nghiệp đại học vừa làm vừa học được cấp theo ngành đào tạo chính. Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;

b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;

c) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;

d) Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có khối lượng của các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên được lấy điểm cao nhất và được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm còn phải ghi chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có).

4. Sinh viên không đủ điều kiện tốt nghiệp, không bị kỷ luật buộc thôi học, nếu có yêu cầu thì được cấp giấy chứng nhận các học phần đã hoàn thành trong chương trình đào tạo VLVH.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 20. Chế độ báo cáo, lưu trữ**

1. Tháng 12 hàng năm, Nhà trường báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đào tạo VLVH của năm đó theo yêu cầu tại quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Tài liệu liên quan đến công tác đào tạo được bảo quản và lưu trữ theo Quyết định số 127a/QĐ-ĐHQĐ ngày 10/02/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học

học Quảng Bình ban hành Quy định về quy trình và thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ về đào tạo của Trường Đại học Quảng Bình.

### **Điều 21. Xử lý vi phạm**

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị đồ án, khóa luận tốt nghiệp, nếu vi phạm các quy định về thi và kiểm tra, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại Khoản 2 Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế đại học hệ chính quy.

4. Sinh viên sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả sẽ bị buộc thôi học. Nếu phát hiện sau khi cấp bằng thì sẽ bị Hiệu trưởng thu hồi, hủy bỏ bằng đã cấp đối với người vi phạm.

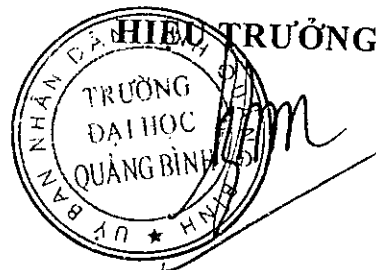
5. Viên chức, giảng viên, nhân viên tham gia quản lý, giảng dạy, hướng dẫn đánh giá sinh viên nếu vi phạm Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

### **Điều 22. Điều kiện thi hành**

1. Những vấn đề liên quan đến hoạt động đào tạo VLVH chưa đề cập trong Quy chế này thì áp dụng theo Quy định đối với đào tạo chính quy theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường.

2. Phòng Đào tạo, các khoa, bộ môn và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Nhà trường (qua Phòng Đào tạo) để có hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung kịp thời. *mm*



**PGS.TS. Hoàng Dương Hùng**